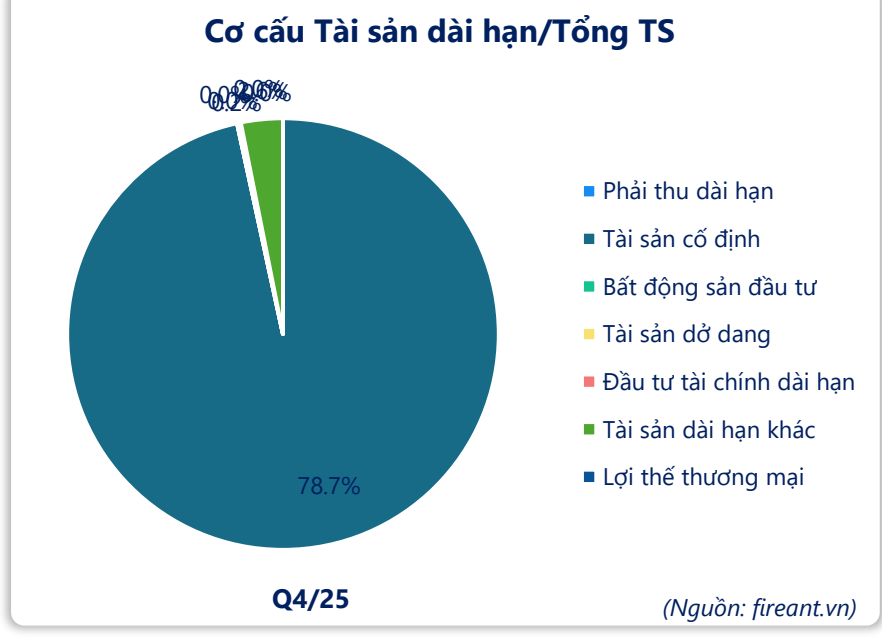
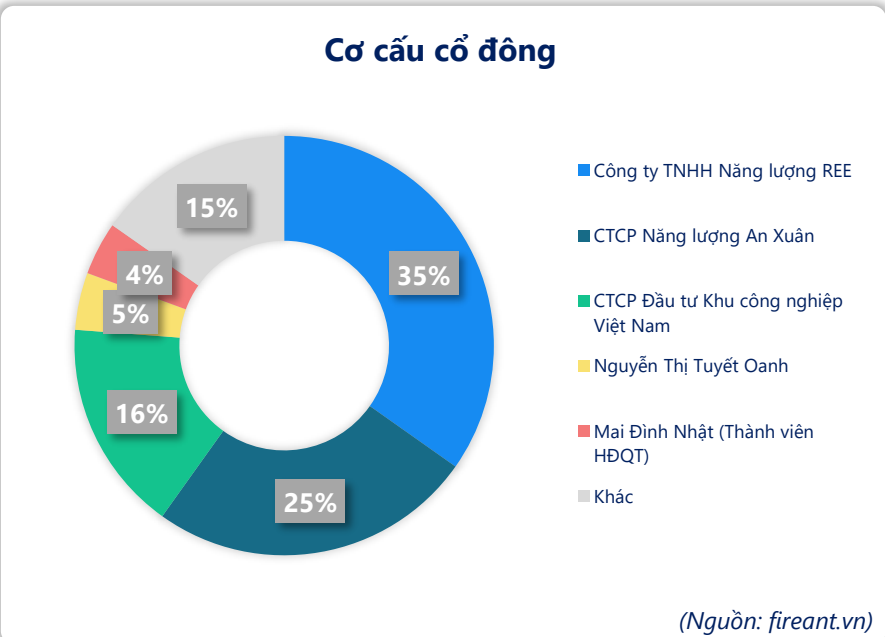
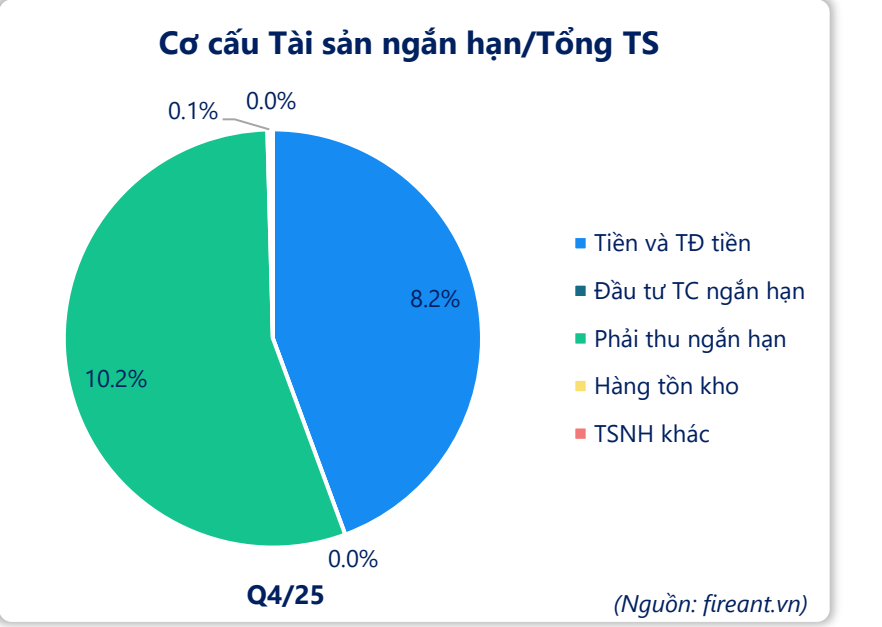
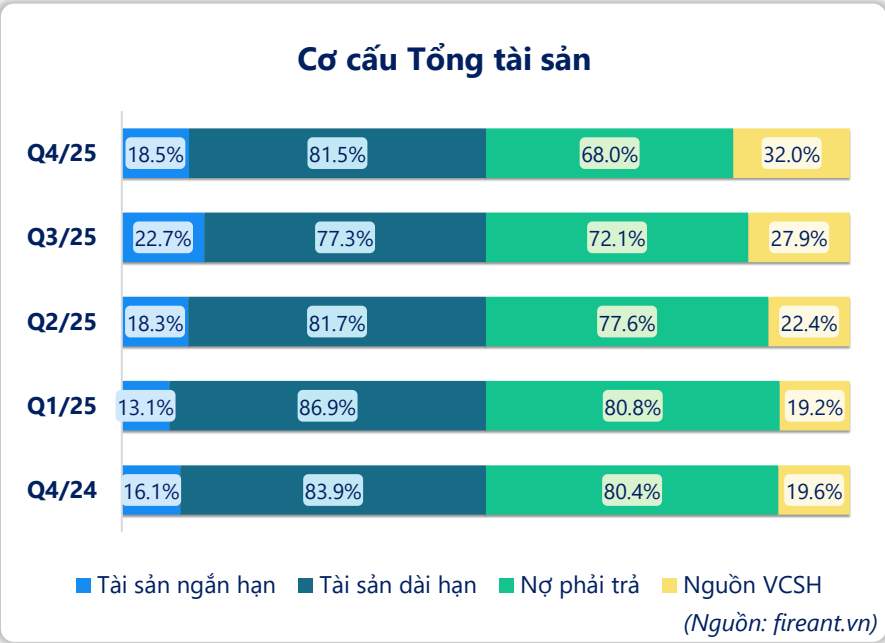
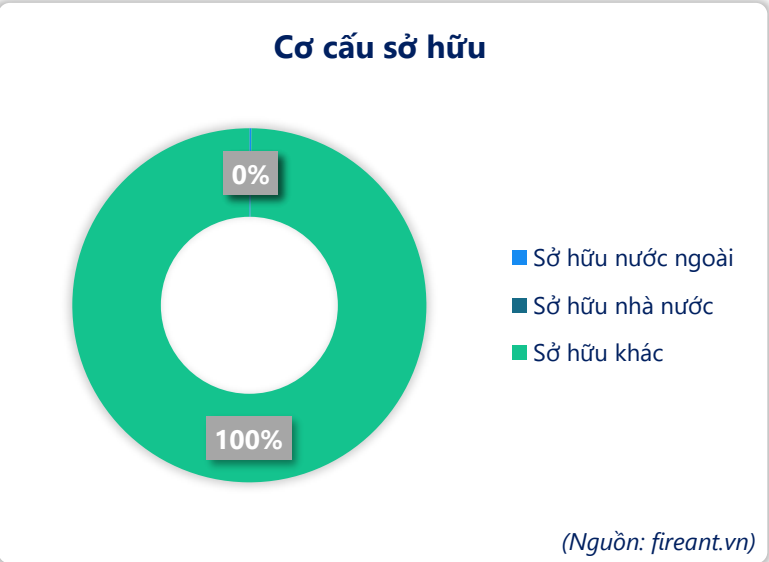
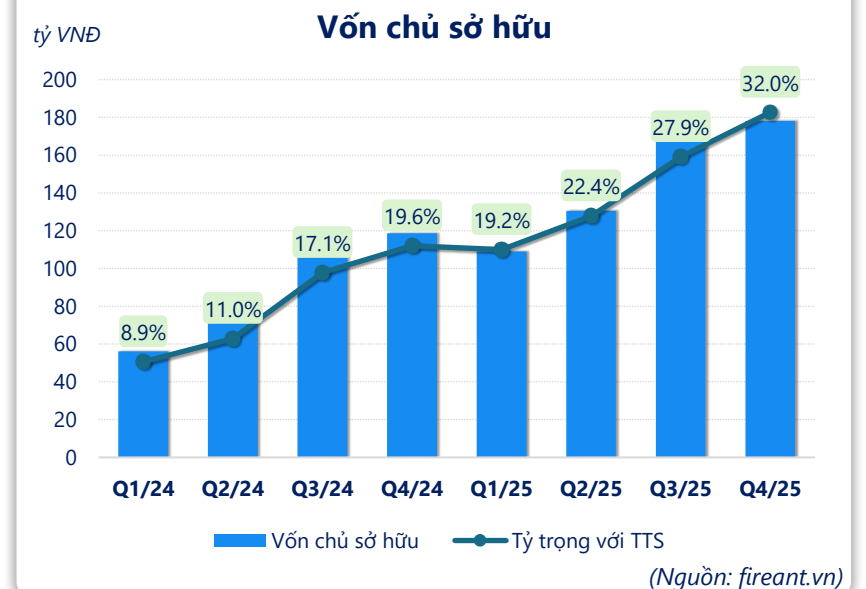
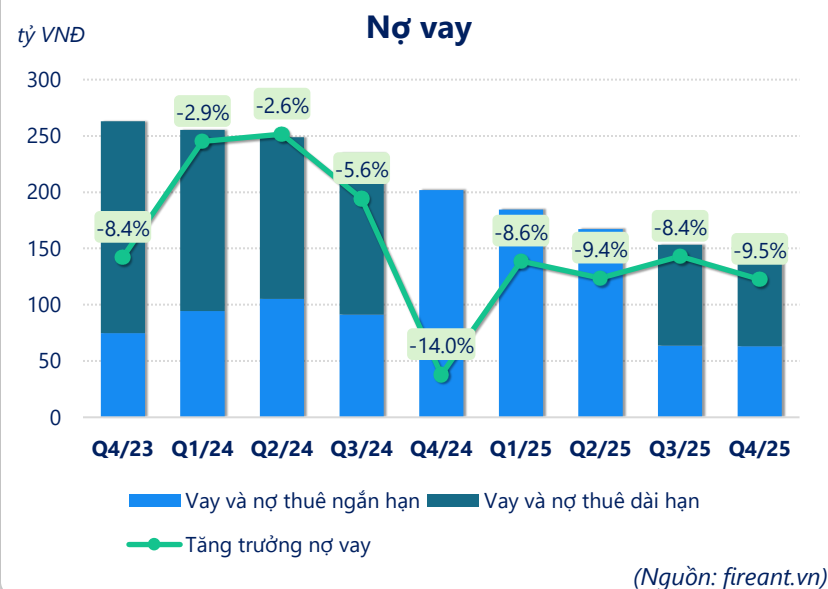
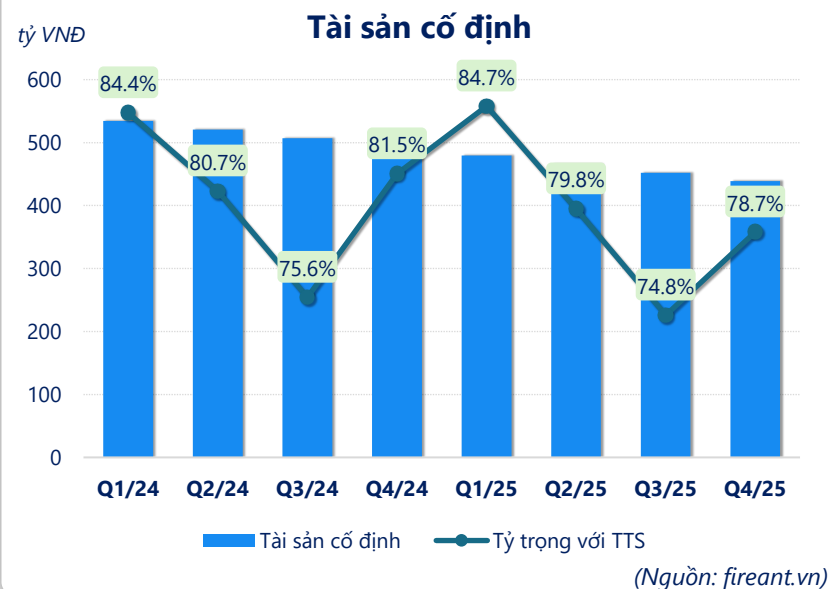
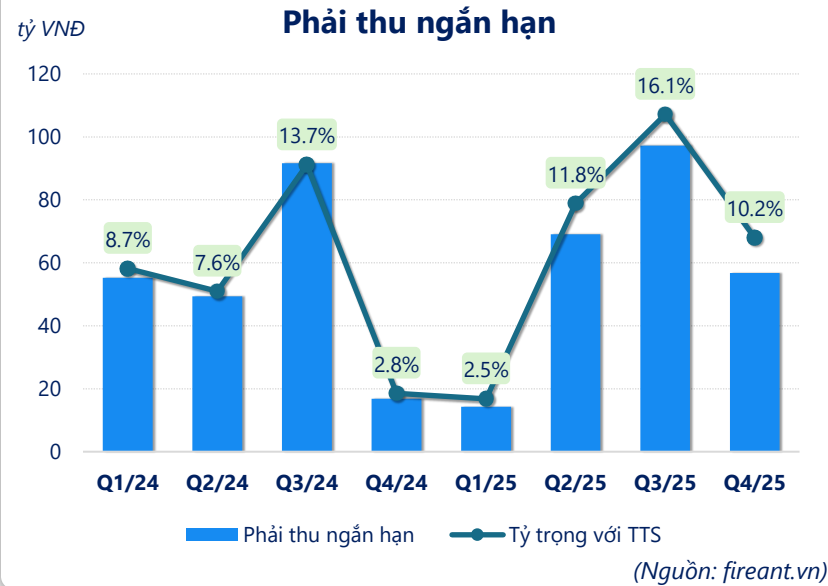
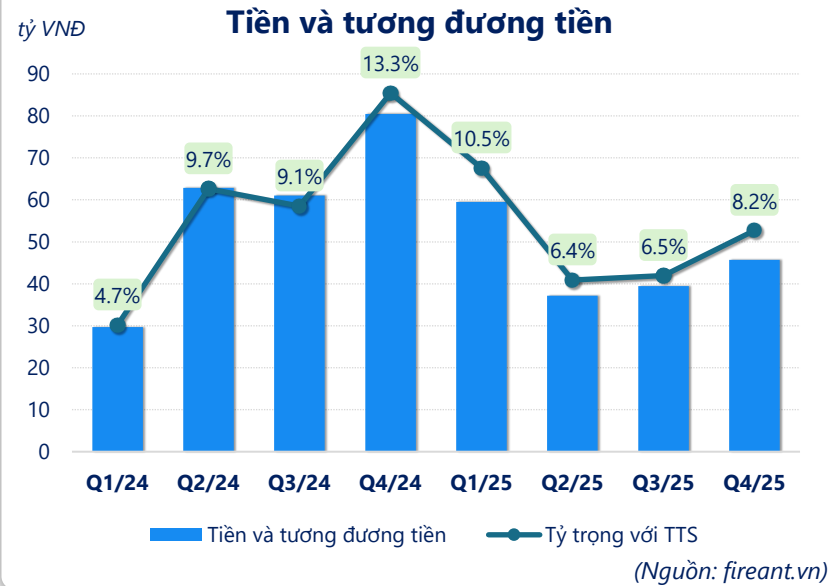
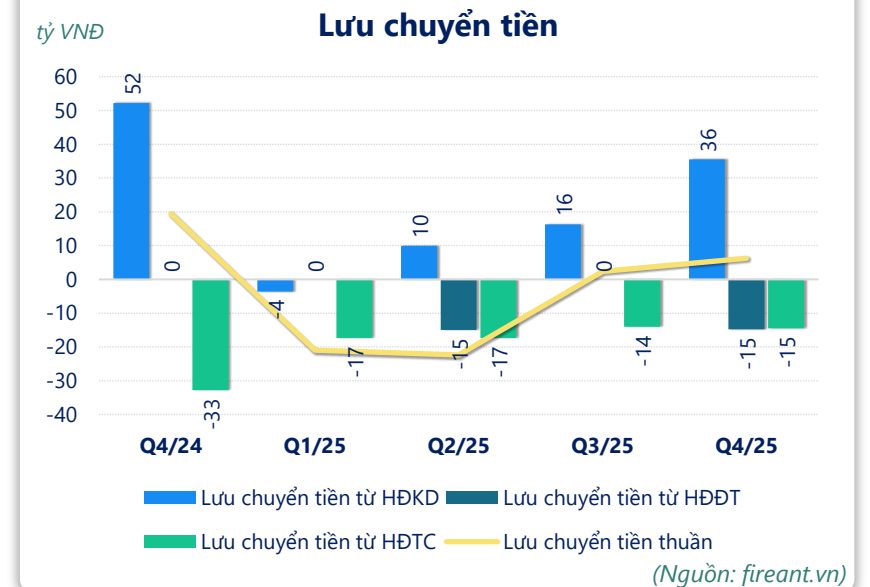
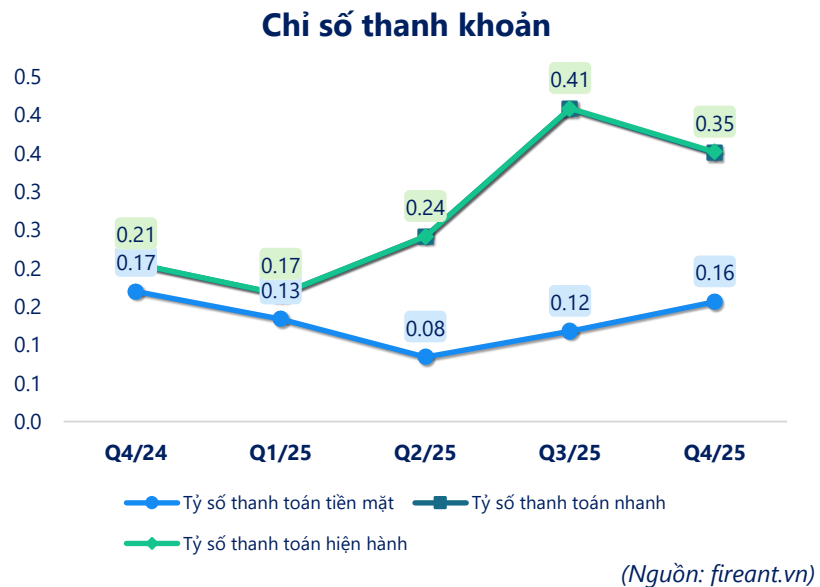
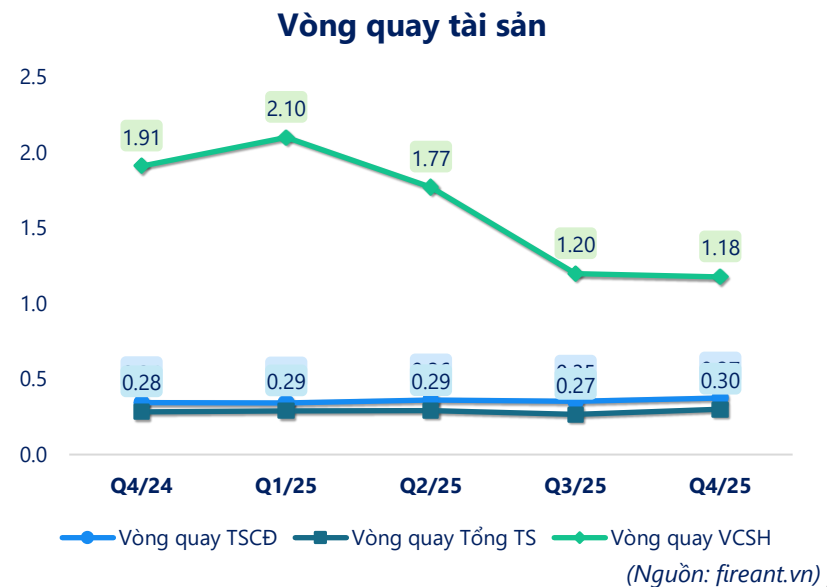
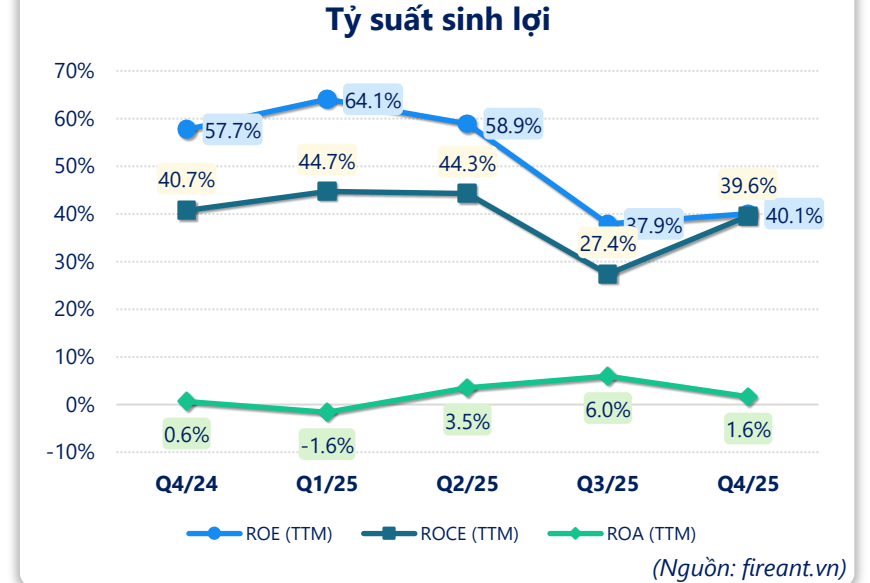
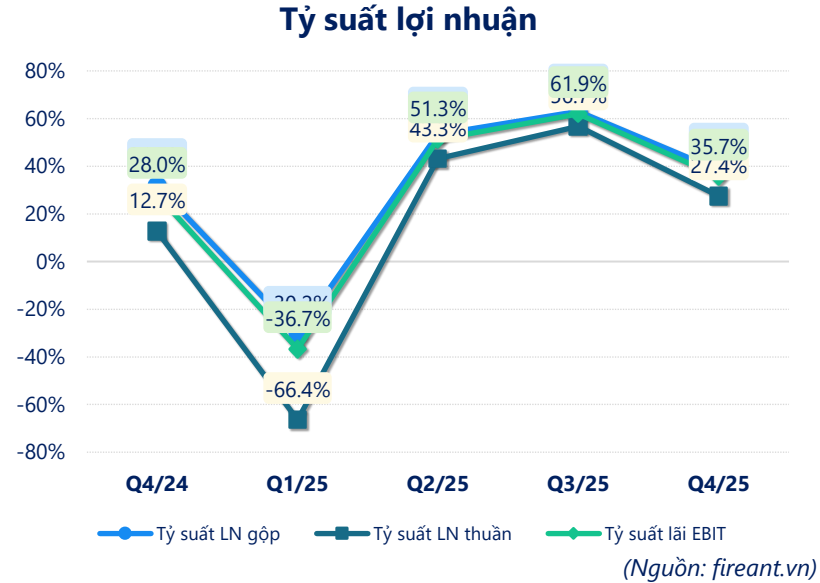
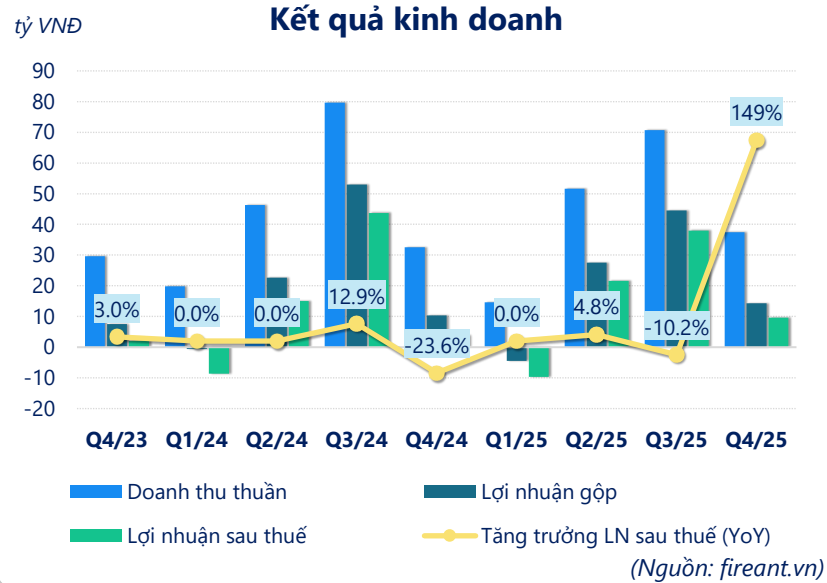


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,000
SL cổ phiếu LH		20,623,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		63,415
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		454
P/E		7.6
EPS		2,882

	YTD	1T	3T	6T
SP2	12.8%	0.0%	-8.3%	-10.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	557	605	-8.0%
Tài sản ngắn hạn	103	97.6	5.5%
Tiền và tương đương tiền	45.7	80.4	-43.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	56.8	16.9	237%
Hàng tồn kho	0.31	0.13	144%
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	0.17	-19.9%
Tài sản dài hạn	454	508	-10.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	439	493	-11.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.25	1.25	0.0%
Tài sản dài hạn khác	14.2	13.1	9.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	379	486	-22.1%
Nợ ngắn hạn	293	474	-38.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.1	202	-68.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.26	2.38	-5.0%
Nợ dài hạn	86.3	12.7	581%
Vay và nợ thuê dài hạn	75.6	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	178	119	50.1%
Vốn chủ sở hữu	178	119	50.1%
Vốn điều lệ	207	207	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	32.6	14.6	51.6	70.7	37.5
Giá vốn hàng bán	22.2	19.0	24.1	26.1	23.2
Lợi nhuận gộp	10.3	-4.42	27.5	44.5	14.3
Doanh thu HĐTC	0.24	0.24	0.27	0.48	0.57
Chi phí TC	5.03	4.35	4.16	3.70	3.17
Chi phí lãi vay	5.03	4.35	4.16	3.70	3.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.41	1.18	1.31	1.21	1.45
LN thuần từ HĐKD	4.14	-9.71	22.3	40.1	10.3
Lợi nhuận khác	-0.04	0	-0.01	-0.03	-0.07
LN trước thuế	4.10	-9.71	22.3	40.1	10.2
Lợi nhuận sau thuế	3.85	-9.71	21.6	38.0	9.59
LNST của CĐ cty mẹ	3.85	-9.71	21.6	38.0	9.59

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.2	-3.56	9.99	16.3	35.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-15.0	0	-14.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.8	-17.4	-17.4	-14.0	-14.5
Tiền đầu kỳ	61.0	80.4	59.5	37.1	39.5
Lưu chuyển tiền thuần	19.4	-20.9	-22.4	2.34	6.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	80.4	59.5	37.1	39.5	45.7

(Nguồn: fireant.vn)